

Số: 50/2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan,
đơn vị, địa phương liên quan trong việc xây dựng, quản lý và khai thác,
sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2963/SXD-QLN&TTBDS ngày 22 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong việc xây dựng, quản lý và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản – BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Website Sở Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, TC, NĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thiên Định

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương
liên quan trong việc xây dựng, quản lý và khai thác, sử dụng
hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm, nội dung, hình thức phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng, quản lý và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

2. Các loại nhà ở, các dự án bất động sản phải thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo Quy chế này bao gồm: Đất nền cho xây dựng nhà ở; Nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư; Văn phòng; Khách sạn; Mặt bằng thương mại, dịch vụ; Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Khu vực Phát triển đô thị tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất – Sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản:

1. Nội dung thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức;

2. Nội dung thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo phải đầy đủ, chính xác;

3. Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo theo đúng biểu mẫu và đúng thời hạn quy định;

4. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 4. Nội dung báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Thông tin về nhà ở gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;

b) Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở;

c) Các thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở;

d) Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn;

đ) Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

e) Thông tin về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng;

g) Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở;

h) Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà;

i) Công tác quản lý nhà chung cư;

k) Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở.

2. Thông tin về thị trường bất động sản gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành theo thẩm quyền;

b) Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo. Việc xác định nhu cầu về nhà ở được thực hiện trên cơ sở số liệu khảo sát, đánh giá về số lượng hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu về nhà ở và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương; số liệu có thể được tổng hợp dựa trên kế hoạch phát triển nhà hàng năm và 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập và phê duyệt;

c) Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch;

d) Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản;

đ) Thông tin về sản giao dịch bất động sản;

e) Số lượng nhà ở cho thuê và văn phòng, khách sạn, mặt bằng thương mại, dịch vụ gồm các thông tin: đặc điểm về đất đai, xây dựng; quy mô, mục đích sử dụng; đăng ký sở hữu;

g) Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo các thông tin cần thiết có liên quan về nhà ở và thị trường bất động sản phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế địa phương.

Điều 5. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Các thông tin, dữ liệu báo cáo, cung cấp định kỳ hàng tháng

a) Sản giao dịch bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản báo cáo thông tin lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản bán, cho thuê về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

b) Chủ đầu tư cung cấp thông tin tình hình giao dịch bất động sản của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

c) Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, cung cấp thông tin số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

d) Chủ đầu tư; kể cả Ban Quản lý Khu vực Phát triển đô thị tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh với tư cách là Chủ Đầu tư các dự án báo cáo, cung cấp các thông tin của dự án nhà ở, bất động sản bao gồm: Số lượng,

tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 7a, 7b, 7c, 7d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ chậm nhất 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án và khi có quyết định điều chỉnh (nếu có).

2. Các thông tin, dữ liệu được báo cáo định kỳ hàng quý

a) Chủ đầu tư; kể cả Ban Quản lý Khu vực Phát triển đô thị tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh với tư cách là Chủ Đầu tư báo cáo, cung cấp thông tin tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản, số lượng sản phẩm của dự án về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, cung cấp các thông tin số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

3. Các thông tin, dữ liệu được báo cáo định kỳ 6 tháng

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo thông tin công tác quản lý nhà chung cư về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu vực Phát triển đô thị tỉnh; Ban Quản lý khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, cung cấp thông tin sử dụng đất ở về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

c) Cục Thuế tỉnh; Sở Tài chính cung cấp thông tin tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ;

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

4. Các thông tin, dữ liệu được báo cáo định kỳ hàng năm

Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo thông tin số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn và nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng tại địa phương về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 14, 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

5. Thời hạn báo cáo thông tin, dữ liệu

a) Trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ hàng tháng;

b) Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ hàng quý;

c) Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ 6 tháng;

d) Trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ hàng năm.

6. Cục Thống kê tỉnh cung cấp định kỳ hàng năm và 05 năm cho Sở Xây dựng các thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng và nhà ở như sau:

a) Thông tin về kết quả điều tra hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; Thời gian báo cáo trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ hàng năm;

b) Thông tin về số lượng, diện tích nhà ở đô thị; nông thôn; nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh, khu vực đô thị, nông thôn theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ; thời gian báo cáo trước ngày 30 tháng 6 của năm sau năm tổng điều tra đối với thông tin, dữ liệu quy định báo cáo định kỳ 05 năm.

7. Trung tâm Phát triển quỹ đất – Sở Tài nguyên và Môi trường

Báo cáo định kỳ hàng quý, năm các thông tin, dữ liệu về số lượng, diện tích, tình hình quản lý sử dụng về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà ở cũ, nhà ở công vụ) về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

8. Hình thức và nơi nhận báo cáo thông tin, dữ liệu

a) Hình thức gửi báo cáo: Bằng văn bản điện tử và bằng tệp dữ liệu điện tử (bảng Excel).

b) Nơi nhận báo cáo: Sở Xây dựng, số 02 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; email: sxd@thuathienhue.gov.vn.

Điều 6. Cập nhật, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận các báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức báo cáo để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được số hóa, lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và định kỳ công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản qua trang điện tử do Sở Xây dựng quản lý (gọi tắt là website dữ liệu)

Thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 8. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 9. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo hình thức hợp đồng

Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 10. Xử lý vi phạm đối với các sàn giao dịch, tổ chức môi giới, chủ đầu tư bất động sản; các tổ chức hành nghề công chứng; các công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản

Các sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, chủ đầu tư bất động sản không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này thì bị xử lý như sau:

1. Vi phạm lần thứ nhất: Sở Xây dựng gửi văn bản nhắc nhở tới các sàn giao dịch, chủ đầu tư bất động sản; tổ chức môi giới;

2. Vi phạm lần thứ hai: Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà các cá nhân, tổ chức bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Xử lý vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan

Các cơ quan, đơn vị có liên quan không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, Sở Xây dựng lập dự toán kinh phí cho việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; thu thập, cập nhật bổ sung các thông tin, dữ liệu; tính toán, công bố các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định.

Sở Tài chính căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Lập dự toán kinh phí cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin; điều tra, cập nhật, bổ sung thông tin, dữ liệu.

2. Lập kế hoạch, dự toán kinh phí để thu thập tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê của tỉnh; lập nhiệm vụ và dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng các thông tin: Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh; các dự án nhà ở đang thực hiện đầu tư xây dựng; các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn tỉnh.

4. Cập nhật, công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Định kỳ báo cáo Bộ Xây dựng các nội dung thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Rà soát, tổng hợp, cung cấp thông tin, số liệu theo quy định, đảm bảo thời hạn thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tại các khoản ở Điều 5 của Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với số liệu do cơ quan, đơn vị mình cung cấp.

3. Thông báo kịp thời về Sở Xây dựng đối với những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

4. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thường xuyên cho việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; thu thập, cập nhật bổ sung các thông tin, dữ liệu; tính toán, công bố các chỉ tiêu thống kê về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Sở Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện, khi Chính phủ, bộ, ngành Trung ương có văn bản điều chỉnh, bổ sung các quy định có liên quan đến nội dung Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương. Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thiên Định